TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Lan**;

2. Ông **Bùi Đức Thập**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phạm Văn Hùng**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 24/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST- DS ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; Có mặt.

HKTT: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Khu X, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đào Duy T, sinh năm 1991 (Vắng mặt lần thứ 2)

Trú tại: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đào Duy T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh T chơi bời không quan tâm đến vợ con. Đến tháng 12/2014 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013, con chung ở với chị từ tháng 7/2014 đến tháng 5/2017 thì được anh T và gia đình đón về ở cùng với anh T và ông, bà nội. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc tại Tòa án, anh Đào Duy T trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án do chị L khởi kiện ly hôn anh. Anh xác định về điều kiện kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Ngoài ra, năm 2015 chị L đi lao động ở Nhật Bản thì vợ chồng chỉ liên lạc được với nhau khoảng 1 đến 2 tháng đầu, sau đó chị L không liên lạc với anh và bố mẹ chồng. Sau khi chị L về nước chỉ ở với anh được 3- 4 ngày thì xin phép về nhà bố mẹ đẻ và ở hẳn đến nay. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị L xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn nhất trí.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/3/2018, phiên tòa ngày 26/4/2018 và phiên tòa ngày 14/5/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đào Duy T.

Về con chung: Giao cho anh Đào Duy T nuôi dưỡng con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu anh chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Đào Duy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/3/2018 cũng như tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đào Duy T. Đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Duy T xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 27/02/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 12 năm 2014, hai bên đã sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh T không có biện pháp nào cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh theo đơn đề nghị của chị L về mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T tại UBND phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương cũng như tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ chị L là bà Nguyễn Thị T, bố mẹ đẻ anh T là ông Đào Duy T2 và bà Đặng Thị L2.

UBND phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương cung cấp: Sau khi kết hôn chị L chuyển hộ khẩu về nhà chồng tại xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương sinh sống. Sau ngày cưới vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014 chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến tháng 11/2017 thì về nước. Trong thời gian chị L đi lao động tại Nhật Bản thì cháu Đào Duy MH sống cùng với mẹ chị L là bà Nguyễn Thị T, chị L đã gửi tiền, sữa, bỉm từ Nhật Bản để bà T chăm sóc cháu Huy. Trước khi về nước một thời gian ngắn anh T đã đón cháu MH về gia đình anh tại xã LH, huyện GL sống từ đó đến nay. Trong thời gian này anh T đã gây khó khăn cho chị L trong việc thăm nom, chăm sóc cháu MH. Nghề nghiệp của chị L kể từ khi về nước (tháng 12/2017) đến nay là làm kế toán tại Công ty Y, thu nhập hàng tháng ổn định vào khoảng 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng/tháng đủ khả năng chăm sóc con chung. Mặt khác, hiện nay cháu MH vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên địa phương đề nghị Tòa án căn cứa vào quy định của pháp luật giao cháu MH cho chị L nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ cũng như sự phát triển bình thường của cháu MH. (Bút lục số 47b).

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng chị L, anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 vì có lần anh T gọi điện cho bà đón chị L về rồi anh chị sẽ ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà được biết là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh T chơi bời không quan tâm gì đến gia đình. Từ tháng 12/2014 chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến tháng 12/2017 về nước thì

về nhà chồng ở được khoảng 01 tuần sau đó chuyển về nhà bà ở. Bà thấy giữa chị L và anh T mâu thuẫn kéo dài đã lâu, không thể hòa giải, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh T ly hôn. Vợ chồng chị L và anh T có một con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013. Cháu MH đã sống cùng bà và chị L từ tháng 7/2014 đến tháng 5/2017 thì gia đình anh T đón về sống tại thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian cháu MH sống cùng gia đình bà, chị L ở bên Nhật Bản đã gửi tiền, sữa về để bà chăm sóc cháu. Hiện nay cháu MH vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị L nuôi dưỡng con chung để đảm bảo cho sự phát triển của cháu (Bút lục số 47).

Ông Đào Duy T2 và bà Đặng Thị L2 cung cấp: Sau khi kết hôn anh T và chị L sống cùng với vợ chồng ông, bà tại thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì ông, bà cũng không nắm được. Trong thời gian chị L đi xuất khẩu lao động, con chung của anh T và chị L là cháu Đào Duy MH sống cùng anh T và gia đình bà, chị L không gửi tiền, không đóng góp gì cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con mà hoàn toàn do anh T và gia đình ông, bà chăm sóc và nuôi dưỡng. Đề nghị, Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp của anh T làm lao động tự do, quản lý khách sạn của gia đình tại đảo Z thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng (Bút lục số 28).

Như vậy, chị L xin ly hôn anh T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân anh T cũng nhất trí ly hôn. Căn cứ Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Đào Duy T.

[4]. Về nuôi con chung: Chị L và anh T có một con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013, hiện nay đang sống cùng với anh T. Cả chị L và anh T đều có nguyện vọng nuôi con chung. Chị L cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động giữa chị và công ty Y và bảng lương tháng 01/2018 là 6.742.308 đồng. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 01/2018/QĐ- CCTLCC, ngày 14/3/2018 về thu nhập hàng tháng của anh T. Tuy nhiên, anh T không cung cấp cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập thể hiện anh cố tình gây khó khăn cho chị L và anh tự tước bỏ quyền của mình. Mặt khác, cháu Đào Duy MH hiện nay mới hơn 5 tuổi rất cần đến sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. HĐXX xét thấy: Cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L giao con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013 cho chị L nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí

số 97 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đào Duy T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con chung là Đào Duy MH, sinh ngày 28/7/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đào Duy T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003759 ngày 23/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/5/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã LH để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Bùi Quý Long